THỜI KHÓA BIỂU HỌC HỌC SINH KHỐI 11 (BUỔI SÁNG - CHIỀU) NĂM HỌC 2022 - 2023

(Thực hiện từ ngày 27 tháng 03 năm 2023)

THỨ	TIẾT	SÁNG									CHIỀU								
		B1 (NhungH)	B2 (Chi)	B3 (HuyềnV)	B4 (YếnV)	B5 (Phượng)	B6 (Quỳnh)	B7 (Sơn)	B8 (Nhâm)	B9 (Hòa)	B1 (NhungH)	B2 (Chi)	B3 (HuyềnV)	B4 (YếnV)	B5 (Phượng)	B6 (Quỳnh)	B7 (Sơn)	B8 (Nhâm)	B9 (Hòa)
2	1	HĐ TNHN (NhungH)	HĐ TNHN	HĐ TNHN (HuyềnV)	HĐ TNHN (YếnV)	HĐ TNHN (Phượng)	HĐ TNHN (Quỳnh)	HĐ TNHN	HĐ TNHN (Nhâm)	HĐ TNHN (HòaĐ)		Hóa (Nhâm)	T.Anh (Thơm)	Địa (HòaĐ)	GD KTPL (Quang)	Nghề VSDD	Toán (Sơn)		
	2	GDTC (Quỳnh)	Văn (Xuân)	Toán (Tân)	Toán (Ngọc)	Lý (HuyềnL)	Văn (NhungV)	Sử (C.Hương)	GDTC (ThùyTD)	Sinh (Đ.Thủy)	Nghề Tin (Thư)	Hóa (Nhâm)	Địa (HòaĐ)	Toán (Ngọc)	T.Anh (V.Thủy)	Nghề VSDD	Toán (Sơn)	Toán (Hiệp)	Nghề Tin (YếnT)
	3	Hóa (NhungH)	Văn (Xuân)	Toán (Tân)	Văn (YếnV)	Toán (Sơn)	Văn (NhungV)	GDTC (ThùyTD)	Công nghệ (Huê)	Sử (C.Hương)	Nghề Tin (Thư)	Toán (Dực)	Sử (Dung)	Toán (Ngọc)	Toán (Sơn)	Nghề VSDD	GD KTPL (Quang)	Toán (Hiệp)	Nghề Tin (YếnT)
	4	Văn (Xuân)	Sử (C.Hương)	Hóa (NhungH)	Địa (HòaĐ)	T.Anh (V.Thủy)	Lý (Chi)	Công nghệ	Sinh (Đ.Thủy)	Văn (TrangV)	Nghề Tin (Thư)	Toán (Dực)	Văn (HuyềnV)	Toán (Ngọc)	Toán (Sơn)		T.Anh	GD KTPL (Quang)	Nghề Tin (YếnT)
	5	Văn	Sinh	Địa	Sử	T.Anh	Công nghệ	Lý	T.Anh	Văn									
3	1	Sử (C.Hương)	T.Anh (HuyềnN)	T.Anh (Thơm)	GDTC (ThùyTD)	Tin (Thư)	T.Anh (Hương N)	Công nghệ	GD KTPL (Quang)	Toán (Hiệp)	Sinh (HằngS)		Văn (HuyềnV)	T.Anh (Thơm)		GD KTPL (Quang)			Toán (Hiệp)
	2	Công nghệ (Huê)	T.Anh (HuyềnN)	Lý (HuyềnL)	Sinh (HằngS)	Tin (Thư)	Toán (Hiệp)	Địa (Phượng)	Sử (C.Hương)	GD KTPL (Quang)	Toán (Tân)	Nghề Tin (YếnT)	Văn (HuyềnV)	GD KTPL (Quang)	Nghề VSDD (HằngS)	T.Anh (Hương N)	Nghề Điện	Nghề VSDD	Toán (Hiệp)
	3	Lý (Chi)	Địa (Phượng)	Toán (Tân)	Hóa (NhungH)	Sử (C.Hương)	Toán (Hiệp)	GD KTPL (Quang)	Tin (Thư)	Lý (HuyềnL)	Lý (Chi)	Nghề Tin (YếnT)	GD KTPL (Quang)	Văn (YếnV)	Nghề VSDD (HằngS)	Văn (NhungV)	Nghề Điện	Nghề VSDD	Văn (TrangV)
	4	GDTC (Quỳnh)	Toán (Dực)	GD KTPL (Quang)	Công nghệ (Huê)	Văn (Xuân)	Lý (Chi)	T.Anh (Hương N)	Tin (Thư)	GDTC (ThùyTD)	Lý (Chi)	Nghề Tin (YếnT)	Toán (Tân)	Văn (YếnV)	Nghề VSDD (HằngS)	Văn (NhungV)	Nghề Điện	Nghề VSDD	Văn (TrangV)
	5	Địa (Phượng)	Toán (Dực)	Hóa (NhungH)	T.Anh (Thơm)	Văn (Xuân)	Công nghệ (Huê)	T.Anh (Hương N)	Toán (Hiệp)	T.Anh (MaiN)									
4	1	Lý (Chi)	GD KTPL (Quang)	ToánTC (Tân)	GDTC (ThùyTD)	Hóa (Thanh)	Sử (C.Hương)	Văn (Hương)	Lý (HuyềnL)	Công nghệ (Huê)	Văn (Xuân)	Lý (Chi)	T.Anh (Thơm)	Sử (Dung)	T.Anh (V.Thủy)	Toán (Hiệp)	T.Anh	Văn (Hương)	T.Anh (MaiN)
	2	Sinh (HằngS)	Công nghệ	ToánTC (Tân)	Văn (YếnV)	SửTC (C.Hương)	Hóa (Thanh)	Văn (Hương)	GDTC (ThùyTD)	Văn (TrangV)	Văn (Xuân)	Lý (Chi)	T.Anh (Thơm)	Văn (YếnV)	T.Anh (V.Thủy)	Toán (Hiệp)	T.Anh	Văn (Hương)	GD KTPL (Quang)
	3	Toán (Tân)	GDTC	Sử (C.Hương)	Văn (YếnV)	Sinh (Đ.Thủy)	Sinh (HằngS)	Hóa (Thanh)	Hóa (Nhâm)	VănTC (TrangV)	T.Anh (V.Thủy)	T.Anh (HuyềnN)	Toán (Tân)	T.Anh (Thơm)	Văn (Xuân)	T.Anh (Hương N)	Văn (Hương)	T.Anh (MaiN)	Địa (HòaĐ)
	4	Toán (Tân)	Hóa (Nhâm)	GDTC (Quỳnh)	Tin (Thư)	Công nghệ (Huê)	Văn (NhungV)	Toán (Sơn)	Văn (Hương)	GDTC (ThùyTD)	T.Anh (V.Thủy)	T.Anh (HuyềnN)	Toán (Tân)	T.Anh (Thơm)	Văn (Xuân)	T.Anh (Hương N)	Văn (Hương)	T.Anh (MaiN)	Sử (Dung)
	5	Công nghệ	Lý	Lý	Tin	GD KTPL	VănTC	Toán	Văn	SửTC									
5	1	Tin (Thư)	SửTC (C.Hương)	Sinh (Đ.Thủy)	Lý (HuyềnL)	GDTC (ThùyTD)	GD KTPL (Quang)	Lý (Chi)	Công nghệ (Huê)	Toán (Hiệp)									
	2	Tin (Thư)	GDTC (ThùyTD)	Công nghệ (Huê)	GD KTPL (Quang)	Toán (Sơn)	Địa (Phượng)	Sinh (Đ.Thủy)	SửTC (C.Hương)	Toán (Hiệp)									
	3	Toán (Tân)	Toán (Dực)	Tin (Thư)	Toán (Ngọc)	Toán (Sơn)	GDTC (Quỳnh)	SửTC (C.Hương)	Toán (Hiệp)	Hóa (Nhâm)									
	4	GD KTPL (Quang)	Công nghệ	Tin (Thư)	Toán (Ngọc)	Địa (Phượng)	SửTC (C.Hương)	Toán (Sơn)	Toán (Hiệp)	Lý (HuyềnL)									
	5																		
6	1	Văn (Xuân)	T.Anh (HuyềnN)	Văn (HuyềnV)	T.Anh (Thơm)	T.Anh (V.Thủy)	Toán (Hiệp)	GDTC (ThùyTD)	Văn (Hương)	Công nghệ (Huê)	Toán (Tân)	Sinh (Đ.Thủy)			Toán (Sơn)	Địa (Phượng)	Sử (Dung)	T.Anh (MaiN)	Toán (Hiệp)
	2	VănTC (Xuân)	ToánTC (Dực)	Văn (HuyềnV)	T.Anh (Thơm)	Công nghệ (Huê)	GDTC (Quỳnh)	Hóa (Thanh)	VănTC (Hương)	Tin (Thư)	Toán (Tân)	Văn (Xuân)	Nghề Tin (Thư)	Nghề VSDD	Địa (Phượng)	Toán (Hiệp)	Toán (Sơn)	Sử (Dung)	Văn (TrangV)
	3	SửTC (C.Hương)	ToánTC (Dực)	GDTC (Quỳnh)	Lý (HuyềnL)	GDTC (ThùyTD)	Hóa (Thanh)	T.Anh (Hương N)	T.Anh (MaiN)	Tin (Thư)	Hóa (NhungH)	Văn (Xuân)	Nghề Tin (Thư)	Nghề VSDD	Sử (Dung)	Văn (NhungV)	Địa (Phượng)	Toán (Hiệp)	T.Anh (MaiN)
	4	T.Anh (V.Thủy)	Tin (Thư)	Công nghệ (Huê)	SửTC (C.Hương)	Lý (HuyềnL)	T.Anh (Hương N)	Văn (Hương)	T.Anh (MaiN)	ToánTC (Hiệp)	Hóa (NhungH)	Toán (Dực)	Nghề Tin (Thư)	Nghề VSDD	Văn (Xuân)	Sử (Dung)		Địa (Phượng)	T.Anh (MaiN)
	5	T.Anh	Tin	SửTC	Công nghệ	Hóa	T.Anh	VănTC	Hóa	ToánTC									
7	1	ToánTC (Tân)	Văn (Xuân)	T.Anh (Thơm)	VănTC (YếnV)	ToánTC (Sơn)	ToánTC (Hiệp)	Tin (Thư)	Lý (HuyềnL)	Địa (HòaĐ)									
	2	ToánTC (Tân)	VănTC (Xuân)	T.Anh (Thơm)	Hóa (NhungH)	ToánTC (Sơn)	ToánTC (Hiệp)	Tin (Thư)	Địa (Phượng)	T.Anh (MaiN)									
	3	Hóa (NhungH)	Hóa (Nhâm)	Văn (HuyềnV)	ToánTC (Ngọc)	Văn (Xuân)	Tin (Thư)	ToánTC (Sơn)	ToánTC (Hiệp)	T.Anh (MaiN)									
	4	T.Anh (V.Thủy)	Lý (Chi)	VănTC (HuyềnV)	ToánTC (Ngọc)	VănTC (Xuân)	Tin (Thư)	ToánTC (Sơn)	ToánTC (Hiệp)	Hóa (Nhâm)									
	5	HĐ TNHN	HĐ	HĐ TNHN	HĐ TNHN	HĐ TNHN	HĐ TNHN	HĐ	HĐ TNHN	HĐ TNHN									